

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng kỹ thuật
Khu đô thị phía Tây Bắc, thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa
(giai đoạn 2) của UBND huyện Thiệu Hóa.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo Quyết định số 3337/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND huyện Thiệu Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Tây Bắc, thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa (giai đoạn 2);

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía Tây Bắc, thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa (giai đoạn 2) của UBND huyện Thiệu Hóa; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 61/CV-BQLDA ngày 21/02/2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 526/Tr-STNMT ngày 03/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị phía Tây Bắc, thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa (giai đoạn 2) của UBND huyện Thiệu Hóa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Lập hồ sơ xin xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi đi vào hoạt động.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía Tây Bắc, thị trấn Vạn Hà,
huyện Thiệu Hóa (giai đoạn 2) của UBND huyện Thiệu Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía Tây Bắc, thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa (giai đoạn 2) của UBND huyện Thiệu Hóa thực hiện tại thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Người đại diện: Ông Nguyễn Khánh Tùng;

+ Chức vụ: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa;

+ Địa chỉ: Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Phạm vi, quy mô, công suất dự án:*

Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị phía Tây Bắc, thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa (giai đoạn 2) được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích khoảng 9,2ha. Các hạng mục công trình chính bao gồm: Hệ thống đường giao thông, vỉa hè, cây xanh; hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 5,5 m³/ngày, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân khoảng 2,75 m³/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) khoảng 2,45 m³/ngày; Nước thải từ ăn uống khoảng 0,3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công và rửa xe trước khi rời công trình phát sinh khoảng 17 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 1.538,7 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng...

2.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 55 kg/ngày chủ yếu của công nhân thi công trên công trường. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,.....

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang thực vật khoảng 137,7 tấn chủ yếu là thân và gốc cây cỏ bụi, cây lác, thân cây lúa đã thu hoạch,...

- Chất thải rắn từ quá trình bóc đất hữu cơ, đào nền đường, rãnh thoát nước,... khoảng 16.516,36 m³

- Chất thải xây dựng trong toàn bộ quá trình xây dựng có khối lượng khoảng 1344,1 tấn. Thành phần chất thải xây dựng gồm: Gạch vỡ, cát, đất, đá; mẩu sắt thép thừa, gỗ cốt pha loại, bao bì xi măng.

2.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 10kg/tháng. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...

- Chất thải lỏng nguy hại (dầu thải) khoảng 65 lít/toàn bộ giai đoạn thi công. Thành phần chủ yếu là dầu thải.

2.1.5. Tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Tác động do tiếng ồn: Tại vị trí cách nguồn phát sinh từ 20m trở lên, mức ồn của các phương tiện đều nằm trong giới hạn cho phép. Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của phương tiện máy móc thì công chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân lao động thi công trên công trường.

- Tác động do độ rung: Mức rung từ các phương tiện máy móc, thiết bị thi công không đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và khu dân cư trong khoảng 10m; mức rung nằm trong giới hạn cho phép đối với các khu dân cư ở khoảng 20m trở lên.

2.2. Giai đoạn vận hành

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải tại khu dân cư: 342 m³/ngày.đêm, trong đó: Nước thải nhà ăn: 68,4m³/ngày.đêm; Nước thải nhà vệ sinh: 102,6 m³/ngày.đêm; Nước thải tắm giặt: 171 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 4.616,1m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải...Thành phần bao gồm: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân trong khu dân cư và hoạt động sinh hoạt tại khu dịch vụ công cộng khoảng 1.592 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,.....

- Chất thải rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường khoảng 722,4m³/năm; Thành phần chủ yếu là lượng bùn cặn từ nạo vét khơi thông cống rãnh, hệ thống xử lý nước thải tập trung trong khu dân cư.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư khoảng 13,2 kg/tháng. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

*** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 30m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời; các hố gas tạm có thể tích 1m³. Nước mưa sau khi thu gom được xả ra mương thoát nước dọc tuyến Quốc lộ 45.

- Che chắn khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác rơi vào đường thoát nước chung của khu vực.

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải rửa tay chân được thu gom tại khu vực lán trại về 01 hố lắng có thể tích 3m³, nước thải từ quá trình ăn uống được thu gom về 01 hố lắng kích thước 1m³, sau đó thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực dọc theo tuyến Quốc lộ 1A.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 500 lít. Định kỳ 02 ngày/lần, đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng được thu gom về 01 bể lắng tại khu vực lán trại, thể tích 4m³ (đào hố, xung quanh lát đá hộc) để lắng trước khi thải ra hệ thống thoát nước của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi vật liệu trong quá trình di chuyển.

- Quét dọn vệ sinh ở các tuyến đường giáp khu đất dự án trong phạm vi bán kính nhỏ hơn 500m.

- Phun nước trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu về dự án, phạm vi trong bán kính 1km.

- Xây dựng hàng rào bằng tôn phần diện tích đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 02 thùng rác bằng nhựa dung tích 50 lít/thùng để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn từ quá trình bóc hữu cơ, đào móng công trình:

Lượng chất thải rắn từ quá trình bóc hữu cơ, đào móng công trình được tận dụng để đắp nền trồng cây khu công viên và vỉa hè.

c. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đối với loại chất thải rắn như bìa cactông, các mẫu sắt thừa,...được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với xi măng rơi vãi, cát, gạch vụn,... được tận dụng để san nền khu vực dự án.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị thùng chứa dung tích 200 lit/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định;

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị 01 thùng chứa (dung tích 100lít) và 01 thùng chứa (dung tích 100lít) có dán nhãn mác, nắp đậy để lưu giữ theo đúng quy định;

Các thùng chứa chất thải nguy hại được lưu trữ tạm tại khu vực riêng trong mặt bằng khu lán trại có diện tích 10m². Kết thúc quá trình thi công xây dựng đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Vận hành các phương tiện có mức ồn lớn phải tránh vận hành cùng một lúc. Bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; Công nhân thi công phải được trang bị các dụng cụ, thiết bị chống ồn.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5 km/h; Hạn chế sử dụng các thiết bị gây mức ồn nguồn >70 dBA

hoặc các hoạt động có thể tạo ra mức ồn >70 dBA để thi công, không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 ÷ 6 giờ và 11 ÷ 13 giờ.

- Không đặt máy móc gần 60 hộ dân hiện trạng.

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

+ Thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải.

+ Đối với lượng nước mưa chảy tràn trên khuôn viên, trên mái nhà của các hộ dân được thu gom bằng hệ thống cống D400, D600; sau đó thoát theo 2 hướng chính: Đối với khu vực phía Bắc thoát về tuyến mương tiêu theo Quốc lộ 45; đối với hướng Nam thoát về kênh Nam.

- Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại của các hộ dân (dung tích 6m³); nước thải nhà ăn được xử lý bằng bể tách dầu mỡ (dung tích 1m³) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị trấn Thiệu Hóa.

Nước thải tắm giặt được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị trấn Thiệu Hóa.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị trấn Thiệu Hóa theo Văn bản số 826/UBND-BQLDA ngày 12/5/2020 của UBND huyện Thiệu Hóa sẽ xây dựng vào năm 2020 có công suất 3000 m³/ngày, đặt tại phía Đông Quốc lộ 45 của thị trấn Thiệu Hóa, nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó thải ra sông Mậu Khê.

** Trách nhiệm của UBND huyện Thiệu Hóa:*

UBND huyện Thiệu Hóa có trách nhiệm quản lý, vận hành các công trình xử lý nước thải thường xuyên; nước thải từ các khu dân cư được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu dân cư, xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường; Thực hiện việc quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Nguồn kinh phí để vận hành hệ thống xử lý nước thải được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hoặc trích một phần ngân sách của huyện để thực hiện.

** Đối với các hộ dân*

UBND huyện Thiệu Hóa yêu cầu các hộ dân xây dựng bể tự hoại, bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải sinh hoạt trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Trách nhiệm của UBND huyện Thiệu Hóa

+ Thuê đơn vị thu gom rác tại địa phương thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

+ Trồng cây xanh khu vực công viên các vị trí quy hoạch; những ngày nắng nóng phun nước tưới cây, rửa đường trong khu dân cư bằng xe tưới nước chuyên dụng.

+ Vận hành, kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh.

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Các hộ dân chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

+ Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm;

+ Đối với khu vực nhà bếp của các hộ dân trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Trách nhiệm của UBND huyện Thiệu Hóa:

+ Trang bị các thùng rác có nắp đậy kín đặt tại nơi công cộng để thu gom rác thải.

+ Thuê đơn vị thu gom rác tại địa phương quét dọn, thu gom rác thải tại các khu vực: đường giao thông, công viên, khu nhà văn hóa...trong khu dân cư.

+ Tiến hành phun chế phẩm khử mùi tại khu tập kết rác thải sinh hoạt để giảm mùi hôi từ bãi tập kết rác tạm.

- Đối với chất các hộ dân trong khu dân cư:

+ Mỗi hộ dân trang bị 1 thùng chứa rác để thu gom rác thải sinh hoạt; Các hộ dân không được tập kết rác trên vỉa hè khi chưa có xe thu gom rác.

+ Hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương thu gom và xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trách nhiệm của UBND huyện Thiệu Hóa:

+ Bố trí 2 thùng nhựa loại 100 lít màu đen có nắp đậy và dán nhãn đặt tại kho chứa gần khu xử lý nước thải, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định;

+ Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân sinh sống và làm việc trong khu dân cư để người dân thu gom CTNH tại các gia đình chuyển vào các thùng

chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

Thu gom, phân loại chất thải nguy hại chuyển về tập kết tại khu chứa chất thải nguy hại do UBND huyện Thiệu Hóa bố trí gần khu xử lý nước thải tập trung.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt đầy đủ các biển báo, chỉ dẫn giao thông trên các tuyến đường vào khu dân cư. Các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án đảm bảo tiêu chuẩn về mức ồn của phương tiện giao thông cơ giới và tiêu chuẩn về mức rung của phương tiện giao thông cơ giới.

- Bảo đảm tỷ lệ diện tích cây xanh theo đúng thiết kế được duyệt.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

4.1. Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, hơi xăng, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S.

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu tại khu vực đất phân lô.

+ 01 mẫu tại khu vực xây dựng đường giao thông.

+ 01 mẫu tại khu vực lán trại.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

4.1.2. Giám sát chất lượng môi trường nước thải

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺, chì, sắt, dầu mỡ động thực vật, Coliform;

- Vị trí giám sát:

- + 01 mẫu nước thải tại hồ lắng nước thải xây dựng;
- + 01 mẫu nước thải tại hồ lắng nước thải nhà ăn;
- Tiêu chuẩn áp dụng:

QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

4.2. Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn vận hành

4.2.1. Giám sát chất lượng không khí

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu; tiếng ồn, bụi, hơi xăng; SO₂, NO₂, CO, NH₃; H₂S.
- Vị trí và tọa độ lấy mẫu giám sát: 01 mẫu không khí tại khu dân cư.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
 - + QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

4.2.2 Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- * **Quan trắc tự động:**
 - Chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoniac.
 - Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị trấn Thiệu Hóa.
 - Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.
- * **Quan trắc định kỳ:**
 - Chỉ tiêu phân tích: BOD₅, Sunfua, NO₃⁻, Phosphat, tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động, thực vật, Coliform.
 - Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị trấn Thiệu Hóa.
 - Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.